

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2022
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Duy Thẩm; ông Lê Xuân Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Kim L, sinh năm 1970; trú tại: Tổ A, ấp B, xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (đã bị Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tuyên bố mất tích theo Quyết định số 07/2021/QĐST-VDS ngày 25 tháng 11 năm 2021).

Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Kim L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T trong thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn. Khoảng tháng 09 năm 2009, ông T bỏ nhà đi biệt tích, từ đó đến nay không có tin tức gì. Bà đã tìm kiếm và đăng tin tìm ông T nhưng không có kết quả; bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tuyên bố ông T mất tích. Ngày 25 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã mở phiên họp và có quyết định tuyên bố ông T mất tích theo Quyết định số

07/2021/QĐST-VDS; đến nay ông T vẫn không trở về. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Tuấn.

- Về con chung: Bà và ông T không có con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự; bà L là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T đã được Tòa tuyên bố mất tích nên căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 2, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Kim L. Bà Trần Kim L được ly hôn với ông Phạm Hồng T.

Về con chung: Bà Trần Kim L khai không có nên không đặt ra giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Kim L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phạm Hồng T đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Châu tuyên bố mất tích theo Quyết định số 07/2021/QĐST-VDS ngày 25 tháng 11 năm 2021. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của bà L:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, theo Trích lục kết hôn số 34/2022/TLKH-BS, ngày 09-02-2022, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Ông T đã bị Tòa án nhân dân huyện Tân Châu tuyên bố mất tích theo Quyết định số 07/2021/QĐST-VDS ngày 25 tháng 11 năm 2021. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà L được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Kim L khai bà và ông T không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Kim L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim L. Bà Trần Kim L được ly hôn với ông Phạm Hồng T.

2. Về con chung: Bà Trần Kim L và ông Phạm Hồng T không có con chung.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Ghi nhận bà Trần Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007103 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho bà Trần Kim L và ông Phạm Hồng T biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND TT Tân Châu, H. Tân Châu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn